

MỘT SỐ THAY ĐỔI VỀ THI PHÁP XÂY DỰNG HÌNH TƯỢNG ANH HÙNG TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM SAU ĐỔI MỚI

Trần Thị Nhật

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Bài viết trình bày những thay đổi về thi pháp xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau Đổi mới. Trong đó, sự dịch chuyển của quan niệm nghệ thuật về con người và điểm nhìn nghệ thuật là điều kiện quan trọng nhất giúp nhà văn xây dựng nên những nhân vật anh hùng đa diện. Ở đó, phẩm chất của người anh hùng được các tiểu thuyết gia đặt vào các bối cảnh cụ thể để lí giải từ nhiều góc độ bằng cái nhìn biện chứng thay cho những “mặc định” của chính sử. Nhân vật được soi chiếu trên nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống hiện thực. Họ hiện ra sống động như những con người đương đại với đầy đủ sự phức tạp vốn có của nó.

Từ khóa: quan niệm nghệ thuật, điểm nhìn nghệ thuật, nhân vật anh hùng, tiểu thuyết lịch sử.

1. Mở đầu

Vấn đề nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử đã được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Tiểu thuyết lịch sử đương đại với quan niệm nghệ thuật về con người* của Nguyễn Thị Kim Tiến [1]; *Các kiểu nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam thập niên đầu thế kỉ XXI* của Lê Thị Thu Trang [2]; *Nhân vật lịch sử và những biên độ sáng tạo sau đổi mới* của Nguyễn Văn Hùng [3]; *Nhân vật trung tâm và quyền sáng tạo của nhà văn trong tiểu thuyết lịch sử* của Nguyễn Khắc Phê [4], *Cấu trúc và nghệ thuật thể hiện nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo trong chiến lược quân sự ở Bão táp triều Trần* của Nguyễn Thị Minh Phượng [5],... Các công trình này khá thành công trên phương diện mô tả và phân loại nhân vật anh hùng từ những cơ sở lí thuyết về quan niệm nghệ thuật, điểm nhìn nghệ thuật... Tuy nhiên, điều chúng tôi quan tâm là nhìn nhận những thành công đó từ sự thay đổi về thi pháp tiểu thuyết trên quan điểm lịch sử - xã hội. Tức là, phải “định vị” những nguyên lí và những thành công do chính các nguyên lí đó đưa lại. Chỉ có cách đó mới giúp chúng ta thấy hết được vai trò to lớn của lí luận về thi pháp sáng tác. Việc làm rõ thi pháp xây dựng nhân vật anh hùng trên phương diện quan niệm nghệ thuật về con người và điểm nhìn nghệ thuật sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề mà nhiều công trình khoa học nghiên cứu về nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam trước đó đã công bố.

2. Nội dung nghiên cứu

Tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau Đổi mới đã thoát ra khỏi thi pháp cũ với cái nhìn giản đơn một chiều, bất biến về đời sống nói chung, nhân vật anh hùng nói riêng. Các nhà văn đã nhìn đời sống và nhân vật bằng một nhãn quan khác, khoa học và đa chiều hơn.

Ngày nhận bài: 22/6/2020. Ngày sửa bài: 29/7/2020. Ngày nhận đăng: 10/8/2021.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Nhật. Địa chỉ e-mail: tranthinhatngu@gmail.com

2.1. Sự thay đổi trong quan niệm nghệ thuật về nhân vật anh hùng

2.1.1. Tài năng thiên bẩm và thời thế đã tạo ra anh hùng

Trong suốt một thời gian dài, quan niệm về người anh hùng nhuộm màu sắc siêu hình. Trong văn học dân gian, người anh hùng được thần bí hóa. Họ sinh ra như là con người mang trong mình thiên mệnh thay đổi thời thế. Vì vậy, bao quanh họ là vầng hào quang chói lóa mang màu sắc huyền thoại và vẻ đẹp hoàn mỹ. Những phẩm chất của người anh hùng được xem như là sự “mặc định tất yếu” của trời đất, tạo hóa. Vì vậy, vẻ đẹp của họ mang thuộc tính của sự “vô ngã”, gắn với bất kì cá nhân nào được các đấng tối cao phó thác.

Trong văn học viết trước Đổi mới, nhất là thời kì 1945 – 1975, có rất nhiều tác phẩm viết về nhân vật anh hùng, tiêu biểu như *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*, *Kể chuyện Quang Trung*, *Đêm hội Long Trì* của Nguyễn Huy Tưởng; *Tướng quân Nguyễn Chí*, *Nguyễn Trung Trực*, *Phù Riềng đỏ* của Hà Ân; *Núi rừng Yên Thế* của Nguyên Hồng... Tuy nhiên, nhân vật anh hùng trong các tác phẩm thời kì này vẫn chưa có được những sự bứt phá về nội dung và thi pháp truyện. Cảm hứng sử thi luôn là cảm hứng sâu đậm nhất. Phẩm chất, số phận của nhân vật hòa lẫn vào trong trong phẩm chất, số phận cộng đồng. Tính chất “phi ngã” khiến hình tượng nhân vật chưa tạo được ấn tượng và dư âm lâu bền trong lòng độc giả. Về nghệ thuật, tiểu thuyết lịch sử giai đoạn này vẫn còn nặng tính “kể chuyện” của dân gian, cốt truyện vẫn theo mạch thời gian tuyến tính, ngôn từ trần thuật chiếm vị trí chủ đạo với điểm nhìn bên ngoài là căn bản. Giai đoạn từ 1975 – 1986 được xem như là “đêm trước Đổi mới” để mở ra một giai đoạn phát triển có tính chất đột biến của tiểu thuyết lịch sử và sự chuyển biến căn bản về chất trong thi pháp xây dựng nhân vật anh hùng, giai đoạn sau Đổi mới. Để làm cho tuyên ngôn nghệ thuật này trở nên thuyết phục, các nhà tiểu thuyết đã tìm đến những con người nổi tiếng trong quá khứ. Họ là những cá nhân xuất chúng đã được “sàng lọc” qua rất nhiều biến động, đổi thay trong suốt tiến trình lịch sử dân tộc nhằm chống lại xu hướng “lạm phát” khái niệm anh hùng đang diễn ra một cách mạnh mẽ. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi hầu hết các nhân vật anh hùng đều là những cá nhân tiêu biểu trong quá khứ thay vì những con người đương đại.

Thứ nhất, tiểu thuyết thời kì sau Đổi mới đã trở lại với sự khẳng định đầy bản lĩnh: *anh hùng phải là người có tài năng thiên bẩm*. Nhờ có phong trào Đổi mới mà các nhà văn đã được cởi trói về tư tưởng và tầm nhìn. Họ đã không ngần ngại thể hiện những chính kiến của mình đối với quá trình phản ánh trong văn nghệ. Vai trò và mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng được nhận thức lại. Với tư duy triết luận, nhà văn đã thẳng thắn “phát biểu” quan niệm nghệ thuật của mình qua việc xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng. Theo họ, anh hùng trước hết phải có những phẩm chất của tài năng thiên bẩm.

Trong *Bão táp cung đình*, sự thông tuệ của Trần Quốc Tuấn xuất hiện ngay từ thời niên thiếu: “Tài kiêm văn võ. Sáu tuổi chàng đã biết làm thơ. Nay thì lục thao tam lược, không gì là không thông hiểu” [6; 424]. Còn Nguyễn Huệ lúc mười lăm tuổi với những lời đối đáp rất thông minh làm cho thầy giáo của mình kinh ngạc. Một lần khi nghe thầy giáo dạy mình về sử Nam, Huệ đáp: “Tại sao ta không học sử nước mình mà tụng lâu lâu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? Cái loại chữ thường gọi là “chữ ta”, thừa thầy” [7, tập 1; 152]. Hay trong *Búp sen xanh*, cậu bé Nguyễn Sinh Côn đã bộc lộ tư chất thông minh sáng dạ từ khi còn nhỏ. Khi thầy cử Quý rót dầu vào đĩa đèn, vô ý để dầu chảy ra đế đèn, thầy liền ra vế đối: “Thắp đèn lên dầu vương ra đế”. Trong khi trò Khiêm (người anh trai) đưa ra vế đối: “Đốt nhang rồi gió thổi bay tàn” thì trò Côn đối: “Cuội ngựa dong thẳng tán lên đường” [8; 150]. Tán có nghĩa là tiên lên cũng có nghĩa là nhà Tấn; đường là còn có nghĩa là nhà Đường. Nhà Tấn lập ngôi vua, nhà Đường lập ngôi đế, vế đối vượt cả ý tứ của thầy... Người anh hùng phải là người thông minh thiên bẩm, “anh hoa phát tiết ra ngoài” ngay từ khi còn nhỏ. Đây là tiêu chuẩn tất yếu trong cấu trúc “điển mẫu” về người anh hùng của mọi thời đại nhưng khi đi vào thế giới nghệ thuật, không phải thời đại nào, nhà văn cũng có thể thể hiện điều đó trên trang

viết của mình. Chính sử thường nhấn mạnh vào tài năng thiên bẩm có tính trời phú của các bậc vua chúa, anh hùng. Những người như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... Các nhà tiểu thuyết tái hiện điều này không phải là sự minh họa mà muốn khẳng định một chân lí bất biến, mà đã có lúc vì nhiều lí do, các thể hệ nhà văn đi trước buộc phải nói khác đi.

Thứ hai, tiểu thuyết thời kì sau Đổi mới trở lại với chân lí bất biến: *anh hùng là do thời thế tạo nên*. Tiến trình lịch sử nước nhà đi qua những bước thăng trầm và những cuộc chiến tranh khốc liệt. Như một quy luật, tại mỗi thời điểm vận mệnh dân tộc hiểm nghèo đều sinh ra những cá nhân xuất chúng. Nhiều nhà tiểu thuyết đã xây dựng thành công những tình huống xuất hiện của người anh hùng trước các bước ngoặt của lịch sử. Đó là Ngô Quyền trong *Ngô Vương* của Phùng Văn Khai, Bà Triệu trong *Bà Triệu* của Hàn Thế Dũng, Đinh Bộ Lĩnh trong *Đinh Bộ Lĩnh* của Hàn Thế Dũng, *Mười hai sứ quân* của Vũ Ngọc Đĩnh, Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt trong *Tám triều vua Lý* của Hoàng Quốc Hải, *Nam đế Vạn xuân* của Phùng Văn Khai, Lê Lợi trong *Lê Lợi* của Hàn Thế Dũng, *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân, *Đất trời, Gió lửa* của Nam Dao, Trần Thủ Độ trong *Đàm đạo về Điều Ngự Giác Hoàng* của Bùi Anh Tấn, Trần Hưng Đạo trong *Thiếu Bảo Bình Nguyên* của Hồng Thái, *Đức Thánh Trần* của Trần Thanh Cảnh, *Bão táp triều Trần* của Hoàng Quốc Hải, Nguyễn Huệ trong *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh, *Nhất thống sơn hà* của Vũ Thanh... Qua những nhân vật này, có nhiều vấn đề về lịch sử được luận giải. Trong đó vấn đề thời cuộc đã làm xuất hiện vĩ nhân, anh hùng được các nhà văn khai thác một cách có ý thức và khá bài bản... Trong *Ngô Vương* của Phùng Văn Khai, gặp bối cảnh trong nước có kẻ loạn thần rước voi giày má tô và kẻ thù Nam Hán đang lăm le bờ cõi, Ngô Quyền được các tướng suy tôn và các bậc trưởng lão chỉ bảo: “Nay Giao vương Lưu Hoàng Tháo đem mười vạn binh thuyền, tiếng là giúp phẫn thần Kiều Công Tiễn tại vị song bên trong là muốn nuốt trọn An Nam mà thôi... Nay ta được các tướng suy tôn cầm binh đánh giặc...” [9; 282]. Và trong tình thế không còn đường lùi, người anh hùng Ngô Quyền đã lãnh đạo quân dân làm nên một chiến thắng Bạch Đằng như một mốc son chói lọi lừng danh sử sách bốn ngàn năm của dân tộc. Chiến thắng đó đã mở ra thời kì mới vô cùng quan trọng trong lịch sử dân tộc, thời kì độc lập và chấm dứt một nghìn năm Bắc thuộc. Trong nhiều tác phẩm khác, người anh hùng cũng được các nhà văn đặt vào các tình huống nguy nan của đất nước. Đinh Bộ Lĩnh, Nguyễn Huệ, Trần Thủ Độ là những thủ lĩnh xuất hiện khi đất nước có họa nội xâm. Trong *Bão táp cung đình*, Hoàng Quốc Hải đã để Trần Thủ Độ xuất hiện trong một hoàn cảnh lịch sử đầy nhạy cảm. Nhà Lý đã suy sụp đến cực điểm, không thể cứu vãn được. Vua Lý Huệ Tông đức mỏng, bất tài không cầm cương được triều chính, không sai khiến được thiên hạ khiến muôn dân nguyên rủa. Đi đến đâu cũng thấy cảnh tiêu điều, hoang phế. Ngã nào cũng có người chết đói, dịch bệnh tràn lan, giặc cướp, loạn lạc nổi lên khắp nơi, hai thế lực kình chống triều đình là Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn đang là mối đe dọa lớn. Hoàn cảnh ấy đặt Trần Thủ Độ vào một “tình thế bất khả kháng”. Ông không thể tiếp tục trung thành và phò tá nhà Lý, bởi như vậy là ngu trung. Trong thâm tâm Trần Thủ Độ biết việc giết Huệ Tông là một điều tàn bạo, nhưng ông đã phải dứt khoát với chính mình, tự nhủ phải lấy non sông xã tắc làm trọng. Nếu cứ giữ khư khư lấy điều thiện nhỏ thì chắc chắn sẽ phạm vào một tội ác lớn. Thái sư đã phải chấp nhận một sự lựa chọn khắc nghiệt: hại một người để cứu lấy muôn người. Xét trong hoàn cảnh đất nước năm bề bầy mới thì việc làm đó là vì đại nghĩa. Về điểm này, Hoàng Quốc Hải đã có điểm gặp gỡ thú vị với Trần Thanh Cảnh trong *Trần Thủ Độ* khi nhìn trực diện về tài năng, công tội của con người này. Ở đây, khi các nhà văn xây dựng bối cảnh cho sự xuất hiện của người anh hùng như một quy luật tất yếu thì đồng thời họ cũng biện giải các khái cạnh đang còn nhiều tranh cãi về nhân vật như một cuộc tranh biện với chính sử. Nguyễn Huệ cũng là một nhân vật được tái hiện theo chiều hướng này. Một trong những phương diện được các nhà văn như Nguyễn Mộng Giác, Nam Giao, Lê Đình Danh, Vũ Thanh... khai thác là sự xuất hiện của người anh hùng áo vải như một tất yếu của lịch sử. Đó là cuộc nội chiến liên miên giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, đất nước hoang tàn, lòng người lìa tan, quân thù tứ phía, kẻ sĩ không tìm

đâu ra mình chúa để theo. Tình thế ấy chỉ có thể được giải quyết bởi một nhân tố hoàn toàn mới: một cá nhân tài năng xuất chúng với khát vọng hưng quốc mãnh liệt đủ khả năng tập hợp dân chúng và nhân sĩ mọi miền thành một khối vững chắc có thể giải quyết tất cả những mâu thuẫn đã âm ỉ từ lâu và đủ sức dẹp tan thù trong giặc ngoài. Trong *Gió lửa*, khi đã xây dựng bối cảnh để nhân vật “bước ra sân khấu lịch sử” một cách tự nhiên, Nguyễn Huệ được đặc tả là một người có kiến thức và hiểu rất rõ thời thế, biết nhìn xa trông rộng và vô cùng táo bạo: “Đầu tiên, ta muốn chấm dứt cuộc nội chiến Nam - Bắc bằng cách diệt Chúa Trịnh, tiến quân ra Bắc hơn trăm năm nay. Yên được cũng mất năm đến mười năm. Còn lại, ta chỉ sống thêm mười năm để đặt những hòn gạch đầu cho một kỉ nguyên mới” [10; 336]. Chấm dứt hành quân ra Bắc diệt Chúa Trịnh, Nguyễn Huệ không chỉ thể hiện mình là một vị minh quân mà còn là một nhà cải cách. Ông muốn xây dựng một kỉ nguyên mới chứ không phải là triều đại mới. Ông khẳng định, để bước vào kỉ nguyên mới: “Đổi mới nhân tâm. Tức đổi mới toàn diện”. Viết *Gió lửa, Sông Côn mùa lũ, Nhất thống sơn hà...*, các nhà văn đã suy ngẫm rất nhiều về nguy cơ chia rẽ dân tộc về mặt lãnh thổ và chính trị do những cuộc nội chiến gây ra. Để tránh tai họa đó, cần phải có một người đứng ra làm một cuộc “thay máu” cho triều chính. Người làm được việc này tất phải có đủ bản lĩnh, tài năng và trí tuệ để thu phục nhân tâm, dựng nên nghiệp lớn.

Xây dựng bối cảnh lịch sử cho sự xuất hiện của nhân vật là một sự sáng tạo trong cách thức thể hiện chủ đề tư tưởng của các nhà tiểu thuyết. Nhờ cách thức này, các nhà văn đã thành công trong việc xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng thông qua nguyên lí của logic muôn đời: “vật cùng tác biến, biến cùng tác thông” và “thời thế tạo anh hùng”. Việc đưa quan niệm nghệ thuật về người anh hùng là những tài năng thiên bẩm cộng với sự thúc đẩy của thời thế là sự “đòi lại” những chân lí muôn đời chảy miên man cùng nguồn mạch trong veo của văn hóa - văn minh nhân loại. Đây là sự khẳng định lại hùng hồn một chân lí cũ nhưng luôn “mới” và mang tính thời sự. Với hai sự thay đổi căn bản trong quan niệm nghệ thuật về nhân vật anh hùng, các nhà tiểu thuyết lịch sử đã làm một cuộc “đổi thoại” thẳng thắn với lịch sử và với đời sống nghệ thuật đương đại.

2.1.2. Trong mỗi anh hùng đều có một “phi anh hùng”

Ngoài những phẩm chất điển dạng, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau Đổi mới còn đưa vào hình tượng nhân vật một quan niệm nghệ thuật khác: trong mỗi anh hùng đều có một “phi anh hùng”.

Thứ nhất, biểu hiện của phẩm chất “phi anh hùng” là trong mỗi anh hùng đều mang những bi kịch cá nhân. Nhân vật anh hùng còn được nhiều nhà văn miêu tả ở phương diện bi kịch. Họ không phải lúc nào cũng mang ánh hào quang của những chiến công vang dội cùng những tiếng hò reo của quần chúng. Nhiều người trong họ đã rơi vào những tình thế nguy hiểm, bấp bênh của con người thời loạn, sống trong sự đố kỵ, ghen ghét của người đời, đơn độc trong cuộc chiến chống lại cái ác và cái xấu... Trong nhiều tác phẩm, Nguyễn Trãi, Lê Lợi, Trần Thủ Độ, Nguyễn Huệ... đều là những anh hùng cô đơn. Trần Thủ Độ phải hy sinh tình yêu cá nhân vì dòng họ, vì đất nước; Nguyễn Trãi muôn thực thi lý tưởng nhưng bị dèm pha, bôi nhọ; Lê Lợi đau khổ vì không được sống là chính mình, luôn phải giữ tròn vai của một thống soái; Nguyễn Huệ buộc lòng phải chống lại anh trai Nguyễn Nhạc để hoàn thành đại nghiệp...

Bi kịch cá nhân của người anh hùng trước hết là bi kịch chính trường. Trong *Hội thề*, Nguyễn Quang Thân đã xây dựng Nguyễn Trãi trong tư cách một vị quân sư tài ba, suốt cuộc đời tranh đấu cho tư tưởng nhân nghĩa, thân dân, nhưng luôn đơn độc giữa một triều đình “đậm chất quân sự”, chỉ coi trọng giáo gươm. Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là thứ nhân nghĩa vượt trước thời đại. Nhân nghĩa trước hết và trên hết là vì dân, đánh giặc cũng là để cho dân được hưởng thái bình, no ấm, điều mà đa số quan lại lúc bấy giờ khó lòng chấp nhận. Ngay cả với kẻ thù cũng phải lấy nhân nghĩa để đối xử: “giặc đã cầu hoà bậc đại nhân, đại trí không ai muốn máu đổ nữa làm chi” [11; 281]. Ông ra sức khuyên Lê Lợi dùng binh pháp “tâm công”: “lấy máu để rửa máu thì bao nhiêu cho đủ”; “rửa thù hôm nay tức là đang gieo mầm cho hận thù

ngày mai” [11; 283]. Ông kiên định theo đuổi chiến lược hoà hiếu, không phải là mẹo đánh giặc mà đó là đạo của nghĩa quân: “muốn anh hàng xóm còn đồ không sang đánh ta, phá nhà ta, giết lợn gà của ta thì chỉ có một cách là đi lại với y, coi y như hàng xóm [11; 274]. Để kiên định với mục đích đó, ông đã phải trải qua những tổn thất, những tị hiềm, cả những nhục nhã, những nỗi đau không thể chia sẻ để có được sự đồng thuận tạm thời của nhà vua... Trong *Sông Côn mùa lũ*, khi buộc phải chĩa súng vào Quy Nhơn, khuấy động bàn thờ tổ tiên, làm nứt rạn tình huynh đệ, Nguyễn Huệ mang nỗi đau khủng khiếp, nhiều đêm mất ngủ bởi loạt câu hỏi do tự mình đặt ra nhưng không dễ tìm được lời giải đáp thỏa đáng: “Ta dừng lại chăng? Ta bằng lòng đứng bên này Lũy Thầy nhìn ra phía Bắc như một kẻ ngoài cuộc, để mặc cho Nguyễn Hữu Chinh, họ Lê, họ Trịnh, quận Thạc, quận Liễu cùng lũ quan thị xấu xí nhau giữa một đất nước tan hoang?” [7, tập 3; 39].

Khác với *bi kịch chính trường* chỉ xuất hiện ở một vài cá nhân, *bi kịch tình ái* lại rất phổ biến. Trong các bi kịch của người anh hùng, bi kịch ái tình ít được đề cập trong tiểu thuyết các giai đoạn trước. Tiểu thuyết lịch sử sau Đổi mới đã rất chú trọng khai thác phương diện này. Chính sử không viết nhiều về chuyện tình ái của người anh hùng, nhưng đây lại là “miền đất hứa” của tiểu thuyết. Ở *Hội thề*, Nguyễn Quang Thân đặt Lê Lợi trong bi kịch tình yêu với hoàng hậu Ngọc Trần. “Mặt Bình Định Vương mềm ra. Ông muốn khóc mà không thể khóc” [11; 219] khi nhìn người vợ, người mẹ của đứa con mình trầm mình dưới dòng sông để đổi lấy một lời hứa cho ngôi vương của chồng. Trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác cũng miêu tả bi kịch tình yêu của hoàng đế Quang Trung - một tình yêu đẹp nhưng vô vọng, suốt đời chấp chờ hình bóng người yêu thời trai trẻ trong thân xác vô hồn của Ngọc Hân. Trong *Gió lùa*, Nam Dao miêu tả cuộc đời Nguyễn Huệ gắn liền với ba người phụ nữ, An, Hoàng hậu Phạm Thị và công chúa Ngọc Hân. Người phụ nữ đầu tiên xuất hiện trong cuộc đời người anh hùng áo vải được Nguyễn Huệ dành cho một tình yêu âm thầm, sâu đậm. Nhưng nàng cũng chính là người đã đem lại cho Nguyễn Huệ những khổ đau, dẫn vật đến phút cuối cuộc đời. Bởi lẽ, An không lấy Huệ, cũng không yêu Huệ. Huệ đau đớn khi nghe người mình yêu bội bạc: “vì Huệ không biết thế nào là hạnh phúc. Thứ hạnh phúc bình thường...” [10; 372]. Bởi theo An hạnh phúc là: “sống một cuộc đời bình thường. Bình thường ở chỗ sáng cũng cười, tối cũng cười... Hạnh phúc bình thường là bụng no, còn đầu thì vui... không quyền uy, quan tước, danh vọng, phú quý” [10; 373]. Người anh hùng áo vải khi đã thành danh vẫn không thôi ngậm ngùi trước một thực tế khắc nghiệt: điều giản dị, bình thường là không thể đối với một bậc đế vương! Người phụ nữ thứ hai trong cuộc đời Nguyễn Huệ là Phạm Thị lại luôn thù ghét và rắp tâm đầu độc ông. Người đàn bà thứ ba là công chúa Ngọc Hân, con gái yêu của vua Lê, người phụ nữ có ảnh hưởng lớn đến cuộc đời Nguyễn Huệ. Nàng đến với Nguyễn Huệ vì những mưu cầu chính trị của các “đáng bề trên” chứ không phải là một mối lương duyên, nhưng xuất thân từ dòng ruộng, ông không đủ tự tin để vun vén cho tình yêu, hạnh phúc tỏa hương ngoài sự vò xé nàng cho thỏa nỗi khát khao chiếm đoạt.

Thứ hai, biểu hiện của phẩm chất “phi anh hùng” là trong mỗi anh hùng đều có những khao khát bản năng. Ngay trong văn học, văn hóa dân gian cổ xưa của phương Tây, tình yêu là một giá trị nhân bản, đáng coi trọng thì phương Đông từ xưa nó đã là điều cấm kỵ. Khi làn gió Đổi mới thổi tới, sự nhận thức về lịch sử, về con người đã có những thay đổi lớn lao, cách nhìn về tính dục cũng không còn những định kiến như cũ nữa. Các nhà tiểu thuyết lịch sử đương đại đã chú ý đến điều này và thể hiện nó sinh động trong nhiều tác phẩm như *Gió lùa* của Nam Giao, *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân, *Đức Thánh Trần*, *Trần Thủ Độ* của Trần Thanh Cảnh, *Trần Khánh Dư* của Lưu Sơn Minh... Trong *Gió lùa*, người đọc không khỏi sững sốt với những hành động ái ân thô bạo của người anh hùng đánh Nam dẹp Bắc: “Huệ tiến lại, mắt đỏ lừ lừ như cọp... Huệ nắm vào ngực xiêm, kéo mạnh rồi xé ra... Thò tay bóp vỡ trâm cài đầu của Ngọc Hân... Ném tám vương bào, rồi từ từ cởi chiếc cặp quần...” [10; 375]... Trong tiểu thuyết *Hội thề*, Nguyễn Quang Thân cũng tô đậm Lê Lợi với những nét tính cách thô thiển, võ biền của

một trang chủ miền sơn cước. Một số chi tiết liên quan đến thói quen ăn uống, thói quen tình dục của Lê Lợi là người ta cảm thấy sốc và thất vọng. Đây là lúc người anh hùng nhận đĩa bánh chưng rán từ Thị Lộ: “Thị Lộ bày đĩa bánh chưng rán lên án thư. Bình Định Vương vò lấy đôi đũa trên tay bà, gấp bánh. Nhưng ông vụng về, miếng bánh rơi xuống sàn gỗ. Ông cúi tiết vớt đôi đũa, lấy tay nhón bánh ăn ngấu nghiến” [11; 12]. Làm vua mà nhiều lúc không giữ phép tắc lễ nghi, ngôn từ bình dân đến vụng về, dáng dấp thô kệch, kém sang, háu ăn và hám gái. Những trang viết này của *Hội thề* đã làm cho dư luận dậy sóng... Trong *Đức Thánh Trần*, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn vừa là một vĩ nhân, “võ nghiệp lẫy lừng” vừa là con người với những “cuộc tình bất diệt”. Trần Thanh Cảnh đã soi chiếu nhân vật dưới cái nhìn đời tư, “điền khuyết” nhiều góc khuất ẩn đằng sau ánh hào quang của con người vĩ đại. Đầu tiên là cái cảm giác “bị thôi miên”, “ngây ra” khi thấy một người con gái đẹp như Quế Lan, hay cái cảm giác nóng bỏng vì dục vọng bản năng, cái hùng hực nhựa sống và tràn trề đam mê của người đàn ông khi bên cạnh công chúa Thiên Thành trong đêm lễ hội Mo Nang. Tất cả được lột tả hết sức táo bạo nhưng phù hợp với logic của cuộc sống. Đó là bút pháp tả thực trong các hành động hoan lạc và sự hòa hợp cao độ về mặt tinh thần giữa Quốc Tuấn và Thiên Thành: “Quốc Tuấn đỡ Thiên Thành nằm xuống thắm cổ êm mượt. Họ tuột xiêm y nhau ra. Bàn tay họ da diết thềm muồn quần quýt vuột ve vào chỗ đã từng khao khát thâm kín nhau bấy lâu nay... Quốc Tuấn xiết chặt Thiên Thành, rùng mình” [12; 85]; hay khung cảnh ái ân của Quốc Tuấn và Quế Lan nơi bãi dâu: “Quốc Tuấn tung bộ võ phục trải lên nền đất phù sa mát rượi. Siết chặt nàng Quế Lan. Xiêm y tuột ra, hai thân thể đẹp đẽ cuốn vào nhau. Xung quanh, cả bãi dâu bát ngát bỗng rung lên dào dạt...” [12; 26-27]. Những cuộc mây mưa của vị anh hùng được tác giả miêu tả như những cuộc tình vô cùng cuồng nhiệt và táo tợn nhưng cũng đầy huyền bí và lãng mạn... Đây là những điều “không thể chất nhận được” trong tiểu thuyết lịch sử giai đoạn trước 1975. Viết về người anh hùng với những phẩm chất “phi anh hùng” như vậy, các nhà văn đã dùng hình tượng nghệ thuật để phát biểu một tuyên ngôn nghệ thuật và tuyên ngôn đời sống: quy luật thống nhất trong đối lập là không có ngoại lệ và nghệ thuật đích thực trước hết và luôn luôn phải tôn trọng chân lí đó trong quá trình hướng đến những giá trị chân, thiện, mỹ.

Quan niệm nghệ thuật về người anh hùng với hai mặt tương phản nhau là một cách “đổi thoại với lịch sử và văn hóa dân tộc”. Tác phẩm lúc này như một “tập hợp liên ngôn đồ sộ” trong cách nhìn triết luận, biện chứng về con người nói chung, người anh hùng nói riêng. Đây là một vận hội lớn mà “làn gió Đổi mới” đã mang lại cho sự phát triển của văn chương nước nhà.

2.2. Sự thay đổi về điểm nhìn nghệ thuật trong xây dựng nhân vật

Điểm nhìn nghệ thuật là những phương vị soi chiếu đối tượng miêu tả. Trong nghiên cứu văn học, điểm nhìn nghệ thuật thường được xem xét và phân loại trên hai phương diện, nội dung và hình thức. Trong đó, phương diện hình thức là tiêu chí phổ biến. Dựa vào tiêu chí này, có thể phân điểm nhìn nghệ thuật thành *điểm nhìn khách quan* và *điểm nhìn chủ quan*.

2.2.1. Điểm nhìn khách quan

Trong suốt một thời gian dài, điểm nhìn trong tiểu thuyết lịch sử chủ yếu là điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn người kể chuyện ngôi thứ ba. Sau Đổi mới, điểm nhìn nghệ thuật đã có nhiều thay đổi. Hầu hết các tác phẩm văn sử dụng điểm nhìn khách quan nhưng đã có sự chuyển đổi căn bản về chất: tác giả - người kể chuyện không còn một mình độc diễn nữa mà hóa thân vào vai một nhân vật trong chính câu chuyện hoặc “trao” điểm nhìn cho những nhân vật khác. Nhiều nhân vật anh hùng trong các tác phẩm như *Tám triều vua Lý*, *Bão táp triều Trần* của Hoàng Quốc Hải, *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, *Nguyễn Du* và *Thông reo ngàn Hóng* của Nguyễn Thế Quang, *Búp sen xanh* của Sơn Tùng... đều được thể hiện thành công nhờ vào sự thay đổi về cách thức của điểm nhìn khách quan.

Trong *Đất trời*, Nam Giao khiến người đọc nhận ra rằng, tiểu thuyết lịch sử không còn là “bản tin viết lại” nữa. Nhân vật Nguyễn Trãi đã thoát khỏi cái nhìn mô thức truyền thống, một

chiều và được soi chiếu từ điểm nhìn khách quan, biện chứng. Ông được đặt vào các mối quan hệ khi thì với Lê Lợi, khi thì với quần thần, khi thì với chính người vợ yêu... Mỗi người một góc nhìn riêng. Tất cả các “góc quay” đó hợp lại thành một Nguyễn Trãi đầy cá tính và đầy mâu thuẫn, là nhân vật của những bi kịch kép. Ông hiện thân của những mảnh ghép: cái tâm, cái tài, quyền lực, hoài nghi, đau khổ, hi vọng... Cuối cùng, trong lời tự vấn, nhà văn đã để cho nhân vật giãy giụa giữa đường biên của những giới hạn mà không sao thoát ra được: “Trãi bỗng nhận ra sự yếu đuối của thể xác là một bất công của đấng cao xanh. Chử với nghĩa, giờ tích sự gì?” [13; 75]; “Trong cái thể người bị trị cõ kê dưới lưỡi đao đầu kiếm, có sao ta vẫn cứ một điều nhân nghĩa, hai điều tâm công?... Có sao cứ phải lập lại một Luận Ngữ, Trung Dung?... rằng Đạo Thánh là của chung thiên hạ nhưng làm theo đạo thì mỗi nơi một phách, chẳng qua chẳng đặng đưng?” [13; 92]. Cũng với điểm nhìn khách quan, Trần Thanh Cảnh đã xây dựng chân dung một Trần Quốc Tuấn vừa vĩ đại, cao cả, vừa gần gũi, quen thuộc. Hay trong *Sông Côn mùa lũ*, dưới cái nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba, Nguyễn Huệ hiện ra trước hết như một anh dân phu bình thường: “Nhưng Huệ cũng trẻ tuổi như đa số dân phu, cũng xuất thân áo vải chân đất như họ, cũng dùng chính sức mạnh của cánh tay rắn chắc và ý chí thẳng tiến mạnh mẽ để lập danh chứ không dựa vào dòng dõi hay sách vở thi cử” [7, tập 2; 176-177]. Ở đây, điểm nhìn đã được khách quan hóa, nhà văn đã hóa thân vào các tầng lớp dân chúng để soi xét nhân vật chứ không “áp đặt” một quan điểm có tính chất “thành kiến” cố hữu lên đối tượng miêu tả.

Điểm nhìn khách quan giúp nhà văn miêu tả sự kiện, tình tiết, nhân vật một cách trung tính, dễ dàng được chấp nhận của số đông độc giả. Điểm nhìn này cũng gần gũi với điểm nhìn của chính sử, của tâm thức cộng đồng, tạo cảm giác về sự chân thực cho hình tượng nghệ thuật.

2.2.2. Điểm nhìn chủ quan

Điểm nhìn chủ quan hay điểm nhìn bên trong là điểm nhìn mà ở đó, tác giả nhập thân vào nhân vật và trần thuật theo quan điểm của nhân vật. Điểm nhìn này có thể được thể hiện bằng lời trần thuật nửa trực tiếp và lời độc thoại nội tâm. Trước Đổi mới, văn học nhìn nhận con người lịch sử theo một “sơ đồ” đã định sẵn. Sau Đổi mới, các nhà văn đã từ bỏ cái nhìn trần thuật từ một điểm nhìn duy nhất. Thay vào đó là sự đa dạng hoá điểm nhìn, chú trọng hơn đến điểm nhìn bên trong. Bằng cách này, các nhà văn đã “thâm nhập” vào thế giới nội tâm nhân vật để dựng lên một thế giới bên trong phong phú và vô cùng phức tạp của con người, nhìn nhận con người như là một “tập mờ” đã phân tử và biến số. Những tác phẩm tiêu biểu khai thác thành công thế giới bên trong con người có thể kể đến là *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, *Gió lùa* của Nam Dao, *Hội thể* của Nguyễn Quang Thân... Trong các tác phẩm này, vai kể được trao cho nhân vật xưng “tôi”. Nhân vật lịch sử đóng vai người kể chuyện xưng “tôi” có khi trực tiếp tham gia câu chuyện, có khi kể lại câu chuyện mà mình được chứng kiến hoặc nghe người trong cuộc kể lại.

Trong *Hội thể*, điểm nhìn của nhân vật Lê Lợi hướng tới hai đối tượng: bản thân mình và người khác. Bằng cách để cho nhân vật bộc bạch những suy nghĩ thầm kín, những đấu tranh ngay trong chính nội tâm nhân vật. Lê Lợi tự đối thoại với chính mình qua những suy tư về giá trị to lớn của trí thức nhưng không sao vượt ra khỏi sự ám ảnh của sự nghi kỵ, ganh ghét; nghi kỵ cả chính bản thân: “không tin mình là vị thánh giáng trần”; “thừa nhận mình cũng có nhiều dục vọng bản năng của một con người nơi sơn dã” [11; 125]; cảm thấy “sự khốn khổ” của kẻ làm vua, “muốn “tự nhiên nhi nhiên” như một kẻ tầm thường nhưng địa vị, thời thế buộc lòng phải cao cả... [11; 125]; Trong *Hội thể*, nhà văn cũng đã dùng điểm nhìn bên trong để dựng nên cả một thế giới nội tâm vô cùng phong phú và phức tạp của Nguyễn Trãi. Nhà văn đã để cho nhân vật bộc lộ những suy nghĩ, những nung nấu của đời mình về quan hệ vua - tôi và những người đang cùng đứng chung với mình trên một con thuyền giữa biển lớn. Với Lê lợi, ông ý thức được mình là người có công, có tài nhưng lại không được chủ tướng tin tưởng như đám

nịnh thần, “chỉ là bầy tôi trung thành với chủ tướng chứ không thể là bằng hữu, chưa bao giờ là bằng hữu như bọn Văn hay Sát” [11; 152]; “luôn là khách giữa đám quần thần tướng lĩnh của một triều đại đang bắt đầu sửa soạn ngôi thứ. Họ là người nhà, còn ông là khách, mãi mãi là khách” [11; 258]. Bằng những lời tự vấn, nhà văn đã để những đau buồn, xót xa của nhân vật Nguyễn Trãi hiện ra chân thực đến tận đáy... Để làm một cuộc đối thoại với độc giả đương đại về nhân vật lịch sử nhiều tranh cãi Hồ Quý Ly, Nguyễn Xuân Khánh cũng đã chọn điểm nhìn bên trong để thể hiện. Tác giả đã cho nhân vật tự vấn với chính mình như một sự giải bày về những điều sâu thẳm trong tâm can. Từ đó người anh hùng được Nguyễn Xuân Khánh khắc họa trên nhiều cạnh khác nhau, đủ mọi giận hờn, yêu ghét, khát vọng và bi kịch. Hồ Quý Ly, ngoài con người trong những sự kiện lịch sử còn là con người của một đời sống khác. Ông là cả một khối phức tạp và mâu thuẫn, có thủ đoạn và lòng nhân ái sâu sắc, nhưng về cơ bản vẫn là con người cô đơn, hướng thiện... Người kể chuyện đã hóa thân vào nhân vật, đi sâu vào tâm hồn nhân vật để nói lên ngọn lửa tham vọng vẫn ngày ngày thiêu đốt Quý Ly. Trong ông, “tâm trạng lúc nào cũng khắc khoải, cuồng nộ... tham vọng thì vẫn như những đợt sóng; đợt này qua, đợt khác tới” [14; 548-549]. Có khi người kể chuyện đi sâu vào tiềm thức nhân vật, buộc nhân vật thể hiện nội tâm sâu kín của mình qua giấc mơ gặp lại Nghệ Hoàng: “Nghệ Vương! Ông hãy bình tĩnh lại đi! Hãy hiểu cho tôi... Hãy hiểu đến lẽ tuân hoàn...”; “Quý Ly đau một cái đau khủng khiếp, đê đàng cả tâm hồn...” [14; 459]. Cũng trong tác phẩm này, Nguyễn Xuân Khánh còn khắc họa đời sống tinh thần phong phú của nhiều nhân vật khác thông qua điểm nhìn từ bên trong Hồ Nguyên Trừng, Trần Nghệ Tông, Trần Khát Chân, Trần Duệ Tông, Thanh Mai... Tất cả tạo nên một cuộc sống như trong đời thực, với những dòng chảy tâm lý, tình cảm đan xen nhau, làm tiêu tan cái vỏ sự kiện khô cứng, giản đơn, phiến diện thường thấy trong chính sử.

Tóm lại, việc sử dụng điểm nhìn bên trong đã giúp các nhà văn có được một công cụ hữu hiệu để làm cho nhân vật của mình trở nên chân thực, gần gũi và hấp dẫn hơn. Nhưng trên hết, cách thức này đã giúp nhà văn làm nên một “cuộc đối thoại song phẳng” với những “uẩn khúc” phức tạp và lớn lao của lịch sử một cách hiệu quả nhất theo cách thức đặc thù nhất của nghệ thuật tiểu thuyết.

3. Kết luận

Hình tượng anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam thời kỳ sau Đổi mới đã có những chuyển biến căn bản về chất. Những thay đổi đó đến từ sự thay đổi trên nhiều phương diện nhưng trước hết và quan trọng nhất là sự thay đổi về thi pháp sáng tác mà trong đó cơ bản là quan niệm nghệ thuật về con người và điểm nhìn nghệ thuật. Trong quan niệm nghệ thuật về người anh hùng, các nhà văn đã đưa vào đó chất triết luận và biện chứng về đời sống, những nguyên lý bất biến mà bất kỳ thời đại nào, loại hình nghệ thuật nào cũng có thể lấy làm điểm tựa để từ đó vươn cao hơn bằng đôi cánh tưởng tượng. Người anh hùng được “trả lại” bản ngã, có quê hương, có hoàn cảnh, có những phẩm chất thanh cao, tài năng chói lóa và có cả những thấp hèn, căm dỗ, ghen ghét, đố kỵ; có niềm vui và nỗi buồn... Trong điểm nhìn nghệ thuật, nhà văn đã kết hợp hài hòa giữa hai xu hướng, khách quan hóa và chủ quan hóa. Điểm nhìn từ bên ngoài đa góc độ đã làm cho nhân vật hiện ra rõ nét. Điểm nhìn từ bên trong giúp nhà văn biểu đạt thế giới sâu kín và phức tạp của nhân vật một cách hết sức tự nhiên và sinh động. Những thay đổi này đã làm cho tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau Đổi mới lấy lại sức hút rất riêng của mình trong một thời đại mà người tiếp nhận có vô số thứ hấp dẫn để lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thị Kim Tiên, 2010. “Tiểu thuyết lịch sử đương đại với quan niệm nghệ thuật về con người”. *Tạp chí Sông Hương*, số 256 (6).
- [2] Lê Thị Thu Trang, 2016. “Các kiểu nhân vật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam thập niên đầu thế kỉ XXI”. *Tạp chí khoa học, Đại học Sài Gòn*, số 17 (42).

- [3] Nguyễn Văn Hùng, 2016. “Nhân vật lịch sử và những biên độ sáng tạo sau đổi mới”. Tạp chí Văn nghệ quân đội, số 848 (7).
- [4] Nguyễn Khắc Phê, 2018. “Nhân vật trung tâm và quyền sáng tạo của nhà văn trong tiểu thuyết lịch sử”, nguồn: <https://vannghehainguyen.vn/nhan-vat-trung-tam-va-quyen-sang-tao-cua-nha-van-trong-tieu-thuyet-lich-su/>, truy cập ngày 25/02.
- [5] Nguyễn Thị Minh Phượng, 2019. “Cấu trúc và nghệ thuật thể hiện nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo trong chiến lược quân sự ở Bão táp triều Trần”. *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội*, số (2), tr.56-67.
- [6] Hoàng Quốc Hải, 2016. *Bão táp cung đình*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Mộng Giác, 2003. *Sông Côn mùa lũ*, tập 1,2,3. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [8] Sơn Tùng, 2015. *Búp sen xanh* (tái bản). Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
- [9] Phùng Văn Khai, 2019. *Ngô Vương*. Nxb Văn học, Hà Nội.
- [10] Nam Dao, 1999. *Gió lửa*. Người Việt Books xuất bản, Hoa Kỳ.
- [11] Nguyễn Quang Thân, 2005. *Hội thê*. Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.
- [12] Trần Thanh Cảnh, 2017. *Đức Thánh Trần*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [13] Nam Giao, 2007. *Đất trời*. Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [14] Nguyễn Xuân Khánh, 2006. *Hồ Quý Ly*. Nxb Phụ Nữ, Hà Nội.

ABSTRACT

Some changes in prosody of hero image creation in Vietnamese historical novels after the Doi moi period

Tran Thi Nhat

Faculty of Primary Education, Saigon University

The article presents changes in prosody of hero image creation in Vietnamese historical novels after the Doi moi period. In which, the change of the artistic conception of human and artistic point of view is the most important condition to help writers create multi-faceted hero characters. There, the personality of the hero is set by the novelists in specific contexts to explain from many aspects with a dialectical view instead of the “defaults” of history itself. Characters are reflected on many different aspects of real life. They appear lively as contemporary people in all its inherent complexity.

Keywords: artistic conception, artistic point of view, hero character, historical novel.